

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2021

THƯ MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội trân trọng kính mời Quý cổ đông đến dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty:

1. Thời gian và địa điểm

- Thời gian: 13 giờ 30 phút ngày 27 tháng 4 năm 2021
- Địa điểm: Hội trường tầng 4 Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 Lê Văn Lương, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội.

2. Điều kiện tham dự Đại hội

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu của Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội theo danh sách đã chốt quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 25/3/2021.

3. Nội dung Đại hội

Theo Chương trình Đại hội gửi kèm Thư mời.

4. Tài liệu Đại hội, vấn đề ủy quyền và tham dự

- Nội dung và các tài liệu liên quan đến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 được cập nhật trên Website của Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội tại địa chỉ: <http://www.xbgdhn.vn> từ ngày 02/4/2021.
- Để công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, đề nghị Quý cổ đông gửi Giấy xác nhận tham dự/ Giấy ủy quyền tham dự Đại hội về Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 – Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội (Tầng 4 tòa nhà Diamond Flower, số 48 Lê Văn Lương, Hà Nội) theo đường bưu điện hoặc fax về số 024.35123278 trước 16h ngày 23/4/2021.
- Quý cổ đông hoặc người được ủy quyền khi đến tham dự Đại hội mang theo:
 1. Thư mời họp.
 2. Giấy Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu/GCNDKKD.
 3. Giấy ủy quyền (trường hợp nhận ủy quyền tham dự Đại hội).
- Thông tin liên lạc: Bà Trần Hoàng Mai, Điện thoại: 0988.383.938

Rất mong sự hiện diện của Quý Cổ đông để Đại hội thành công tốt đẹp.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



TRẦN QUANG VINH

M 2

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Thời gian: 13 giờ 30 phút ngày 27 tháng 4 năm 2021

Địa điểm: Hội trường tầng 4, tòa nhà Diamond Flower, 48 Lê Văn Lương, Hà Nội.

Thành phần: Toàn thể cổ đông, CBCNV Công ty và khách mời.

TT	Thời gian dự kiến	Nội dung	Thực hiện
I. KHAI MẠC ĐẠI HỘI			
1	13h30 – 14h00	- Đón tiếp cổ đông và đại biểu tham dự - Phát tài liệu, thẻ biểu quyết và phiếu bầu cử	Ban Tổ chức
2	14h00 – 14h30	- Chào cờ khai mạc Đại hội - Tuyên bố lý do - Giới thiệu Đại biểu, Ban kiểm tra tư cách cổ đông.	Ban Tổ chức
3		Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội	Ban Kiểm soát
4		Thông qua Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông và tính hợp lệ của Đại hội	Ban KTTCCD
5		- Giới thiệu và thông qua Ban Chủ tọa, Ban Thư kí, Ban Kiểm phiếu.	Ban Tổ chức
6		Thông qua chương trình Đại hội	Ban Chủ tọa
II. NỘI DUNG ĐẠI HỘI			
1	14h30 – 15h30	Báo cáo hoạt động năm 2020 và Kế hoạch hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị	HDQT
2		Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Ban Giám đốc	Ban Giám đốc
3		Báo cáo kết quả giám sát hoạt động năm 2020 và Kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban Kiểm soát	Ban Kiểm soát
4		Báo cáo tài chính 2020 đã được kiểm toán	Ban Giám đốc
		Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoạt động của Công ty	Ban Chủ tọa
		Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty	Ban Chủ tọa
		Tờ trình ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	Ban Chủ tọa
		Tờ trình ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát	Ban Chủ tọa

TT	Thời gian dự kiến	Nội dung	Thực hiện
5		<ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu của lãnh đạo cấp trên - Thảo luận 	Đại biểu và Cổ đông
6		<ul style="list-style-type: none"> - Giải lao 	
7	15h30 – 16h30	<ul style="list-style-type: none"> - Trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung: - Báo cáo của HĐQT, BGD, BKS - Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán - Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch 2021. - Báo cáo chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch chi trả năm 2021. - Phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2020 và kế hoạch năm 2021. - Đơn giá tiền lương năm 2020 và kế hoạch đơn giá tiền lương năm 2021. - Lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021. - Thông qua việc cho phép Công ty ký kết các Hợp đồng liên quan đến việc làm sách giáo khoa theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 2018 có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán với các đối tác được sự đồng ý của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, bao gồm: Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, các đơn vị thành viên của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các đối tác khác (nếu có). Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định, triển khai thực hiện và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên liền kề. - Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoạt động của Công ty. - Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. - Tờ trình về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. 	Ban Chủ tọa

348:
 0NG 1
 0 PH
 U XU
 TAO D
 A NC
 CA-T

TT	Thời gian dự kiến	Nội dung	Thực hiện
		- Tờ trình về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. - Một số nội dung khác.	
8		- Biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội	- Ban Chủ tọa
9	16h30 – 17h	- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội - Xin ý kiến biểu quyết của Đại hội	- Thư ký
III. BẾ MẠC ĐẠI HỘI			
1	17h	Tuyên bố bế mạc Đại hội	Ban Tổ chức

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2021



GIẤY XÁC NHẬN THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Kính gửi : Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội

Tên cổ đông :.....

Đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức:.....

Địa chỉ :.....

Điện thoại :..... Fax:.....

Số ĐKDN/CMND:.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Hiện đang sở hữu : cổ phần (Bằng chữ :

.....)

Tương ứng với tổng mệnh giá : đồng

Xác nhận sẽ tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty được tổ chức vào ngày 27 tháng 4 năm 2021

CÓ ĐÔNG

Đề nghị Quý cổ đông xác nhận việc tham gia (hoặc ủy quyền) tới:

Ban tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Bà Trần Hoàng Mai - Phòng Kế toán tài vụ (Số di động: 098 838 3938)

Điện thoại cố định: 024.35122068 (Máy lẻ: 101) Fax: 024.35123278

Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 4 Tòa nhà Diamond Flower, số 48 Lê Văn Lương, Hà Nội

Thời gian: chậm nhất trước 16h, ngày 23/4/2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----000-----

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

GIẤY ỦY QUYỀN



(Việc tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội)

- Tên cổ đông:.....
- Địa chỉ:.....
- Số CMND: Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
- Sở hữu số cổ phần:.....
- Điện thoại:.....
- Sở hữu số cổ phần:

Do không có điều kiện tham gia trực tiếp phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội, nay tôi đồng ý ủy quyền cho:

- Ông (Bà):.....
- Địa chỉ:.....
- Số CTMND: Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
- Điện thoại:.....

Thay mặt tôi tham dự và biểu quyết toàn bộ các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội tổ chức ngày 27 tháng 4 năm 2021, với tư cách là đại diện cho..... số cổ phần mà tôi đang sở hữu.

Ông (Bà)..... có nghĩa vụ thực hiện nghiêm túc nội dung của Giấy ủy quyền này cũng như quy chế làm việc tại Đại hội, không được ủy quyền lại cho người khác và có trách nhiệm thông báo lại cho người ủy quyền.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ của Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội, đồng thời cam kết không đưa ra bất cứ khiếu nại gì đối với Công ty.

Người được ủy quyền

(Ký & ghi rõ họ tên)

Người ủy quyền

(Ký & ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

GIẤY ỦY QUYỀN

(V/v tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội)



- Tên tổ chức ủy quyền:.....
- Đại diện theo pháp luật:.....
- Số chứng nhận ĐKDN:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:..... Fax:.....
- Sở hữu số cổ phần:.....

Do không có điều kiện tham gia trực tiếp phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội, nay quyết định ủy quyền cho:

- Ông (Bà):.....
- Chức vụ:.....
- Địa chỉ:.....
- Số CTMND: Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
- Điện thoại:.....

Thay mặt Công ty tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội tổ chức ngày 27 tháng 4 năm 2021, với tư cách là đại diện cho..... số cổ phần mà Công ty đang sở hữu.

Ông (Bà).....có nghĩa vụ thực hiện nghiêm túc nội dung Giấy ủy quyền này cũng như quy chế làm việc tại Đại hội, không được ủy quyền lại cho người khác và có trách nhiệm thông báo lại đầy đủ các công việc thực hiện cho Ban lãnh đạo Công ty.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ của Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội, đồng thời cam kết không đưa ra bất cứ khiếu nại gì đối với Công ty

Người được ủy quyền

(Ký & ghi rõ họ tên)

Tổ chức ủy quyền

(Ký & đóng dấu)

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021

QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI
CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần dịch vụ xuất bản giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty");
2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại quy chế này.

CHƯƠNG II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 3. Thành phần tham dự Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- 3.1 Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty trong danh sách cổ đông chốt ngày: 25/3/2021
- 3.2 Khách mời, tổ chức tư vấn (nếu có).

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông

4.1. Quyền của các cổ đông khi tham dự Đại hội:

- 4.1.1. Tất cả các cổ đông của công ty đều có quyền tham dự và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
- 4.1.2. Trường hợp không thể tham dự Đại hội, cổ đông có thể uỷ quyền cho người khác tham dự và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình. Việc uỷ quyền này phải được lập thành văn bản theo mẫu được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty;
- 4.1.3. Mỗi cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông được phát 01 Thẻ biểu quyết, trên đó có ghi mã số cổ đông cùng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó nắm giữ. Thẻ

biểu quyết này được sử dụng khi cổ đông muốn phát biểu ý kiến và khi Chủ tọa đề nghị biểu quyết thông qua đề cử Ban Kiểm phiếu; thông qua Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông; thông qua Chương trình của Đại hội; thông qua các Quy chế tổ chức Đại hội; thông qua nội dung Biên bản, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông; các vấn đề khác theo yêu cầu của Chủ tọa. Thẻ biểu quyết được sử dụng để thông qua các vấn đề được thảo luận và/hoặc xin ý kiến tại Đại hội;

4.1.5. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muốn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị thay đổi.

4.2. Nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông khi tham dự Đại hội:

4.2.1. Trang phục của cổ đông đến tham dự đại hội đảm bảo tính lịch sự, trang trọng;

4.2.2. Tham gia đầy đủ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Công ty. Trường hợp không đi được cổ đông thực hiện ủy quyền cho người đại diện tham gia theo đúng quy định;

4.2.3 Các cổ đông hay đại diện cổ đông tới tham dự cuộc họp phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội;

4.2.4 Tuân thủ các điều kiện và thể thức quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế này;

4.2.5 Nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội

5.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp;

5.2 Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông;

5.3. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết;

5.4. Chủ tọa có quyền yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

- 5.5. Chủ tọa có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- 5.6. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký Đại hội

- 6.1. Thư ký Đại hội đồng cổ đông do Chủ tọa chỉ định và được Đại hội đồng cổ đông thông qua, có nhiệm vụ hỗ trợ Ban Chủ tọa điều hành Đại hội được thành công, ghi nhận và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông;
- 6.2. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác và đầy đủ của Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;
- 6.3. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban Chủ tọa phân công trong thời gian Đại hội tạm nghỉ.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

- 7.1. Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa Đại hội đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Ban Kiểm phiếu có thể là các cổ đông của Công ty;
- 7.2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ tiến hành kiểm đếm Thẻ biểu quyết khi thông qua các vấn đề được đưa ra Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và thông báo ngay kết quả kiểm phiếu cho Đoàn Chủ tọa;
- 7.3. Ban Kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của kết quả kiểm phiếu.

CHƯƠNG III

TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 8. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 9. Nội dung Đại hội

Theo Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 được thông qua tại Đại hội.

Điều 10. Biểu quyết tại Đại hội

- 10.1. Các quyết định tại Đại hội đều được thông qua trực tiếp tại Đại hội theo thể thức biểu quyết chấp thuận theo tỷ lệ cổ phần của cổ đông tham dự hoặc đại diện ủy quyền;

- 10.2 Cổ đông chỉ được sử dụng Thẻ biểu quyết để thông qua một lần cho một nội dung cụ thể. Cổ đông biểu quyết *Tán thành, Không tán thành* hoặc *Không có ý kiến* cho mỗi vấn đề cần xin ý kiến.

CHƯƠNG IV

KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 11. Thông qua quyết định của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

11.1 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông và đại diện cổ đông dự họp chấp thuận về các vấn đề sau đây:

- Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Thay đổi ngành nghề lĩnh vực kinh doanh;
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- Thông qua việc ký kết Thỏa thuận khung với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam;
- Thông qua việc ký kết các Hợp đồng liên quan đến việc làm sách giáo khoa theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 2018 có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán với các đối tác được sự đồng ý của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, bao gồm: Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, các đơn vị thành viên của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các đối tác khác (nếu có). Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định, triển khai thực hiện và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên liền kề.

- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng số tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

- Tổ chức lại, giải thể công ty;

11.2 Quyết định khác của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông và đại diện cổ đông dự họp:

- Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2020, kế hoạch hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị;

- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Ban điều hành;

- Thông qua Báo cáo kết quả giám sát hoạt động năm 2020, kế hoạch giám sát năm 2021 của Ban Kiểm soát;

- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam;

- Thông qua Báo cáo thù lao năm 2020 của Ban Điều hành và kế hoạch thù lao năm 2021 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2021;
- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020, Kế hoạch chia cổ tức năm 2021 và trích lập các Quỹ;
- Thông qua đơn giá tiền lương năm 2020 và kế hoạch đơn giá tiền lương năm 2021;
- Các vấn đề khác được thảo luận tại đại hội.

Điều 12. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 phải được Thư ký Đại hội lập thành biên bản. Biên bản cuộc họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ vào sổ biên bản của công ty.

CHƯƠNG V

CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 13. Một số quy định khác

- 13.1 Cổ đông tham dự đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của đại hội đã được thông qua. Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông;
- 13.2 Cổ đông sẽ bị Ban Chủ tọa đại hội truất quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông khi có tình không chấp hành các quy định của đại hội, có hành vi gây rối, làm mất trật tự hoặc có hành động gây ảnh hưởng trực tiếp đến công tác điều hành đại hội.

CHƯƠNG VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực của Quy chế

Quy chế này bao gồm 6 Chương, 14 Điều, được Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội ban hành ngày 30 tháng 3 năm 2021, chỉ áp dụng cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội diễn ra vào ngày 27 tháng 4 năm 2021 và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Quang Vinh

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Năm 2020, Ban Lãnh đạo và CBCNV Công ty đã không ngừng nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua ngày 19/ 6/ 2020. Thay mặt HĐQT, tôi xin báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020.

1. Thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị năm 2020

HĐQT công ty được Đại hội đồng cổ đông công ty bầu ra với 05 thành viên, được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền quyết định những vấn đề quan trọng của Công ty. Trong năm 2020, HĐQT Công ty đã thực hiện tốt nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động của Công ty, cán bộ quản lý Công ty bao gồm: Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

Các mảng công việc HĐQT công ty đã thực hiện:

- Thông qua kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh, nhất là về bản thảo và thị trường của Công ty đảm bảo đúng định hướng và chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc NXBGD Việt Nam và đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

- Quyết định cơ cấu tổ chức nhân sự của Công ty. Thông qua, quyết nghị bổ nhiệm các cán bộ quản lý theo đề nghị của Giám đốc đúng trình tự, thủ tục để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Thông qua, quyết định các quy chế tiền lương, đơn giá tiền lương.

- Thông qua mức chi trả cổ tức và chỉ đạo tổ chức chi trả cổ tức.

- Thông qua việc phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và ra quyết định chỉ đạo thực hiện.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị.

HDQT Công ty đã tổ chức các phiên họp, đảm bảo đúng điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty. HDQT đã phân công nhiệm vụ cụ thể đối với từng thành viên, tại mỗi phiên họp đều tổ chức kiểm điểm việc thực hiện các nhiệm vụ được giao của từng thành viên. Từng phiên họp đều đề ra kế hoạch tổ chức thực hiện đảm bảo đáp ứng nhu cầu thực tiễn phát sinh để đảm bảo vừa hoàn thành nhiệm vụ được giao và hiệu quả kinh tế.

HDQT đã bàn bạc và quyết định những công việc trọng tâm của năm như:

- Quyết định và đề nghị bổ nhiệm một số cán bộ quản lý của Công ty.
- Xây dựng định hướng, chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Giám sát hoạt động của Ban Giám đốc, đảm bảo triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh đúng với Nghị quyết của HDQT đề ra và đảm bảo chế độ Nhà nước.
- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, Quy chế lương Ban điều hành đề xuất.
- Thường xuyên nắm bắt tình hình, chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, đúng quy định.
- Thông qua Kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính hàng năm.
- Thông qua đơn giá tiền lương, phương án phân phối lợi nhuận hàng năm và chỉ đạo triển khai.
- Thông qua thang bảng lương mới theo vị trí, việc làm.

Đánh giá chung:

Hội đồng quản trị công ty, từng thành viên HDQT với trách nhiệm được phân công đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có ý thức trách nhiệm đối với công việc chung của Công ty, đoàn kết giúp nhau hoàn thành chức trách, nhiệm vụ. Lãnh đạo công ty hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, phù hợp với thực tiễn. Các uỷ viên HDQT tập trung trí tuệ và tổ chức công việc hiệu quả, đúng Pháp luật; đảm bảo thực hiện theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HDQT NĂM 2021

- Tiếp tục thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của HDQT được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

- Lãnh đạo công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.
- Hoàn thành tốt công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc.
- Chỉ đạo tổ chức công tác biên tập, khai thác đề tài, xây dựng hệ đề tài đúng định hướng của NXBGD Việt Nam và Công ty, nhất là các đề tài mà nhà trường và xã hội có nhu cầu.
- Chỉ đạo tổ chức tốt công tác phát hành, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tạo thêm công ăn việc làm và ổn định thu nhập của CBCNV.
- Chỉ đạo sắp xếp cơ cấu tổ chức, bổ nhiệm cán bộ quản lý, tuyển dụng nhân sự phù hợp với yêu cầu mới của hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền.

Trên đây là báo cáo tóm tắt hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2020 và kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021. Báo cáo cụ thể, chi tiết về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 HĐQT uỷ quyền cho Ban Giám đốc báo cáo tại Đại hội. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thảo luận, đóng góp ý kiến và thông qua bản báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2021 được trình bày tại bản báo cáo này.

Trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



TRẦN QUANG VINH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020
VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2020, Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội đã triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh trong bối cảnh có nhiều thuận lợi và khó khăn riêng, đó là:

Thuận lợi

- NXBGDVN luôn chỉ đạo sát sao và tạo mọi điều kiện thuận lợi giúp Công ty hoàn thành nhiệm vụ.

- Công ty có một đội ngũ BTV hùng hậu, trình độ chuyên môn cao và giàu kinh nghiệm mà không đơn vị nào có được. Các bộ phận chức năng từ tiến độ, tài chính, hậu cần,... đều vào cuộc một cách ăn ý, hiệu quả.

- Công ty luôn giữ được mối quan hệ thân thiết, gắn bó với các tác giả để kiện toàn được lực lượng tác giả đông đảo và tốt nhất trong bối cảnh khó khăn.

- Về cơ bản, từ Ban Điều hành tới CBCNV đều đồng lòng, đồng cam cộng khổ vì sự ổn định và phát triển của Công ty.

Khó khăn

Việc triển khai thực hiện kế hoạch nhiều khi còn bị động vì những lý do khách quan như:

- Dịch Covid 19 bùng phát cũng gây ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ làm SGK khi BTV phải luân phiên làm việc tại nhà, phải tổ chức họp tác giả qua hình thức trực tuyến. Bên cạnh đó, doanh thu, lợi nhuận của Công ty cũng bị giảm đáng kể từ việc ảnh hưởng của dịch bệnh đến công tác phát hành SGK.

- Việc hợp nhất 4 bộ sách thành 2 bộ sách khi đội ngũ tác giả đã được kiện toàn và bản thảo đã tương đối ổn định. Một số môn phải ghép nội dung trong khi thời gian nộp bản thảo thẩm định không còn nhiều, Công ty đã phải huy động biên tập viên bám sát tác giả, làm việc không kể ngày đêm, thứ 7, chủ nhật để kịp tiến độ.

- Việc triển khai làm CV tác giả phục vụ dự án của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng làm mất rất nhiều thời gian, công sức của các TG, BTV. Đặc biệt ảnh hưởng rất lớn đến tâm lý của đội ngũ TG.

Tuy có những khó khăn nhất định như trên nhưng nhờ tinh thần đoàn kết, nhất trí cao từ Ban Giám đốc đến từng CBCNV, sự cố gắng nỗ lực của mỗi cá nhân, sự chỉ đạo quyết liệt, sát sao của Ban Giám đốc, Công ty đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Cụ thể như sau:

II. CÔNG TÁC XUẤT BẢN

1. Công tác làm SGK mới

a. Xây dựng đội ngũ tác giả:

Tính đến tháng 12 năm 2020, Công ty đã xây dựng được đội ngũ tác giả gồm 278 người, trong đó:

- + Tổng chủ biên: 19
- + Chủ biên: 49
- + Tác giả: 210

- Xây dựng hồ sơ lý lịch khoa học của tổng chủ biên, chủ biên, tác giả và họa sĩ SGK mới để trình Hội đồng Quốc gia thẩm định.

- Hoàn thiện Hồ sơ năng lực đầu thầu SGK mới của NXBGDVN.

b. Kết quả dạy thực nghiệm:

- Hoàn thành dạy thực nghiệm lớp 2, 6, 10 (lớp 2: 60 buổi; lớp 6: 66 buổi; lớp 10: 66 buổi).

- Hoàn thành dạy thực nghiệm đợt 1 lớp 3, 7 (lớp 3: 12 buổi; lớp 7: 19 buổi)

c. Kết quả biên tập, biên soạn:

Lớp 1:

TT	MÃNG SÁCH	KẾ HOẠCH 2020			THỰC HIỆN NĂM 2020			TỈ LỆ TH/KH (%)			DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 2021		
		Mới	TB	Tổng	Mới	TB	Tổng	Mới	TB	Tổng	Mới	TB	Tổng
		33		33	33		33	100%		100%		33	33
1	SHS	11		11	11		11	100%		100%		11	11
2	SGV	10		10	10		10	100%		100%		10	10
3	SBT	12		12	12		12	100%		100%		12	12

Lớp 2, 6, 3, 7, 10:

TT	MÃNG SÁCH	KẾ HOẠCH 2020			THỰC HIỆN NĂM 2020			TỈ LỆ TH/KH (%)			DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 2021		
		Mới	TB	Tổng	Mới	TB	Tổng	Mới	TB	Tổng	Mới	TB	Tổng
	Lớp 2, 6	64		64							64		64
1	SHS	22		22	- Đang hoàn thiện Bản thảo mẫu SHS trình Bộ GD&ĐT phê duyệt.						22		22

TT	MÃNG SÁCH	KẾ HOẠCH 2020			THỰC HIỆN NĂM 2020			TỈ LỆ TH/KH (%)			DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 2021		
		Mới	TB	Tổng	Mới	TB	Tổng	Mới	TB	Tổng	Mới	TB	Tổng
2	SGV	19		19	- Đang hoàn thiện SGK và SBT theo SHS						19		19
3	SBT	23		23							19		19
Lớp 3, 7, 10		167		167							167		167
1	SHS	56		56	- Đang triển khai dạy thực nghiệm và triển khai biên soạn bản thảo tác giả SHS.						56		56
2	SGV	53		53							53		53
3	SBT	58		58							58		58

d. Thiết bị dạy học:

- Hoàn thiện bộ tranh thiết bị lớp 1 gồm 18 bộ tranh (142 tờ tranh).
- Đang thực hiện bộ tranh thiết bị lớp 2, 6 gồm 49 bộ tranh (331 tờ tranh); 4 tập bản đồ.

d. Tập huấn giáo viên, giới thiệu sách:

- Xây dựng nội dung tập huấn giáo viên: Tổ chức quay video giới thiệu bộ SGK và các video phục vụ tập huấn lớp 1, với tổng số 36 video clip.

- Xây dựng kịch bản và triển khai quay video giới thiệu bộ SGK và các video phục vụ tập huấn giáo viên lớp 2, 6.

- Phối hợp với NXBGDVN xây dựng chương trình tập huấn GV lớp 1, 2, 6 theo 2 phương thức trực tiếp và trực tuyến:

+ Đối với lớp 1: Đã mời các tác giả, cộng tác viên tham gia tập huấn trực tiếp và trực tuyến trên toàn quốc. Tổng số 582 buổi, trong đó: 480 buổi trực tiếp, 102 buổi trực tuyến.

+ Đối với lớp 2, 6: Xây dựng danh sách đội ngũ cộng tác viên (mỗi môn 35 người) tham gia tập huấn GV.

e. Thiết kế, chế bản:

- Hoàn thành thiết kế, chế bản 45 cuốn SGK, SBT lớp 1, 2, 6 đảm bảo chất lượng, tiến độ.

2. Công tác làm tái bản SGK hiện hành

TT	MÃNG SÁCH	KẾ HOẠCH 2020			THỰC HIỆN NĂM 2020			TỈ LỆ TH/KH (%)			DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 2021		
		Mới	TB	Tổng	Mới	TB	Tổng	Mới	TB	Tổng	Mới	TB	Tổng
1	SHS		132	132		132	132	100%	100%		86	86	
2	SGV		171	171		171	171	100%	100%		105	105	
3	SBT		111	111		111	111	100%	100%		66	66	
4	Tự chọn tin học		9	9		9	9	100%	100%		8	8	

5	Bộ Let's Learn English	6	6	6	6	100%	100%	4	4
6	Tiếng Anh đề án 2020	48	48	48	48	100%	100%	38	38
7	VNEN Tiểu học lớp 2, 3, 4, 5	35	35	35	35	100%	100%		
	Tổng	512	512	512	512	100%	100%	307	307

3. Kết quả thực hiện kế hoạch đề tài - xuất bản STK, các ấn phẩm GD năm 2020

TT	MẢNG ĐỀ TÀI	SỐ LƯỢNG ĐỀ TÀI (Theo mảng)								
		KẾ HOẠCH NĂM			THỰC HIỆN			Tỉ lệ thực hiện/ kế hoạch (%)		
		Mới	TB	Tổng	Mới	TB	Tổng	Mới	TB	Tổng
1	STK theo lớp, cấp	38	11	49	32	59	91	84%	Vượt KH	Vượt KH
	<i>STK theo lớp</i>	<i>31</i>	<i>4</i>	<i>35</i>	<i>32</i>	<i>52</i>	<i>84</i>			
	<i>+ dành cho HS</i>	<i>31</i>	<i>4</i>	<i>35</i>	<i>32</i>	<i>40</i>	<i>72</i>			
	<i>+ dành cho GV</i> <i>+ Sách địa phương</i>					<i>12</i>	<i>12</i>			
2	<i>STK theo cấp</i>	<i>7</i>	<i>7</i>	<i>14</i>		<i>7</i>	<i>7</i>			
	<i>+ dành cho HS</i>	<i>7</i>	<i>7</i>	<i>14</i>		<i>7</i>	<i>7</i>			
	<i>+ dành cho GV</i> <i>+ sách địa phương</i>									
3	STK khác	7		7	7		7	100%		100%
	<i>- Sách CLC, DB chuyển KH</i>									
	<i>- Sách NCDT và STK khác</i>	<i>7</i>		<i>7</i>	<i>7</i>		<i>7</i>			
4	Sách DH - CD - DN		1	1		4	4		Vượt KH	Vượt KH
	<i>Sách DH</i>		<i>1</i>	<i>1</i>						
	<i>Sách CD</i>									
	<i>Sách DN</i>					<i>4</i>	<i>4</i>			
5	Sách Mầm non		15	15						
6	Sách Dân tộc		2	2		2	2	100%	100%	
7	Từ điển, sổ tay		5	5		4	4	80%	80%	
8	Tranh ảnh giáo khoa				18		18			
9	Sách địa phương				01		01			
	Tổng	45	34	79	58	69	127	129%	Vượt KH	Vượt KH

+ Đã thực hiện: 415 cuốn STK tái bản từ lần 2.

+ Đặc biệt trong quý III + IV/2020, Công ty thực hiện 03 cuốn STK theo chỉ đạo của NXBGDVN:

1. Tổ Hữu - Tiếng thơ còn mãi;
2. Tổ Hữu - Thơ gửi bạn đường;
3. Tự sự học (Từ kinh điển đến hậu kinh điển).

4. Kết quả in, phát hành STK (sách trọn gói và sách đơn vị tự tổ chức bản thảo, in)

LOẠI ĐỀ TÀI	ĐĂNG KÍ XUẤT BẢN	ĐÃ IN RA SÁCH	TỈ LỆ IN/ĐKXB (%)	SO SÁNH CÙNG KÌ (%)	DỰ KIẾN 2021
Mới	06	05	83	56	07
Tái bản	117	45	38	53	64
TỔNG	123	50	121	109	71

III. CÔNG TÁC QUẢN LÝ XUẤT BẢN

- Trình Hội đồng XB - PH miền Bắc duyệt 113 đề tài SGK mới, STK mới thuộc kế hoạch 2020 và 2021. Kết quả: đã duyệt 113/113 đề tài.

- Thực hiện các thủ tục xin phép tái bản bổ sung 15 cuốn; chuyển KH bổ sung sang năm 2020: 06 cuốn; đổi và bổ sung tên đề tài: 07 cuốn; đổi tên và bổ sung tác giả 04 cuốn (do yêu cầu của ban biên tập; đơn vị liên kết và nhóm tác giả) trình Ban QLXB - NXBGDVN xin phép CXB.

- Gửi đọc kiểm định và đọc rà soát 52/52 cuốn đợt 1 theo Thông báo số 99/TB-NXBGDVN ngày 21/01/2020 về việc triển khai công tác kiểm định SGK, STK đợt 1/2020; 19/31 cuốn theo Thông báo số 1426/TB- NXBGDVN về việc triển khai công tác kiểm định SGK, STK đợt 2/2020 (12 cuốn chưa gửi kiểm định vì chưa xong bản thảo tinh).

- Hoàn thiện, bổ sung, kí lại hợp đồng biên soạn XBP STK TB theo quy định.

- Hoàn thiện và cung cấp bản thảo giao in theo quy định, đúng tiến độ cho các đơn vị có công văn đặt hàng.

IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Kết quả thực hiện năm 2020 so với các chỉ tiêu kế hoạch (đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2020 thông qua).

TT	NỘI DUNG	ĐVT	KH 2020	THỰC HIỆN 2020	TỈ LỆ TH/KH (%)
1	Tổng doanh thu	Tr. đồng	70.000	76.677	109%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	4.600	5.840	127%
3	Tỷ suất lợi nhuận / vốn điều lệ	%	18,4%	23,4	127%
4	Cổ tức	%/ năm	10%	10%	100%
5	Đơn giá tiền lương	Đ/1.000 đ LNKL	825	820	99%

Năm 2020, doanh thu, lợi nhuận của Công ty đều đạt và vượt so với chỉ tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông năm 2020 giao, đảm bảo ổn định thu nhập cho CBCNV.

1. Thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (Tr.đồng)	Ghi chú
1	Lợi nhuận còn lại những năm trước	500	
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2020	5.005	
3	Chi trả cổ tức (10%)	2.500	
4	Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	250	5% LNST
5	Trích lập Quỹ khen thưởng ban điều hành	250	5% LNST
6	Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.005	
7	Lợi nhuận để lại năm sau	500	

V. CÁC CÔNG TÁC KHÁC

1. Công tác tổ chức - lao động - tiền lương

- Ban hành thang lương, bảng lương, phụ cấp và phương án chuyển xếp lương đối với cán bộ công nhân viên theo Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ.

- Giải quyết các chế độ cho người lao động theo đúng quy định; Công tác bổ nhiệm, tiếp nhận, điều chuyển cán bộ được thực hiện công khai, minh bạch, đúng quy trình, quy định của Công ty và của NXBGDVN, cụ thể:

STT	Nội dung	Số lượng
1	Số lao động có mặt đến 31/12/2020	103 người
2	Số lao động đã có thông báo nghỉ hưu	01
3	Số lao động chuyển đi	05
4	Số lao động chuyển đến	06
5	Số cán bộ thực hiện bổ nhiệm trong kỳ	03
6	Số tiền nộp BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động	2.841.289.892 đồng
7	Làm thủ tục và thanh toán chế độ BHXH cho CBCNV	27.889.338 đồng

2. Công tác hành chính - quản trị

- Tổ chức thành công các Hội nghị: Hội nghị Tổng kết công tác năm 2019, triển khai nhiệm vụ năm 2020 và Đại hội người lao động năm 2020; Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

- Triển khai các cuộc họp tác giả; Tổ chức trại sách làm bộ SGK nền của NXBGDVN.

- Chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất và phương tiện để phục vụ tốt cho việc họp và đưa đón tác giả, BTV đi dạy thực nghiệm.

- Tổ chức tốt công tác văn thư, hành chính để phục vụ công tác xuất bản.

Một số công việc đã thực hiện trong năm 2020

TT	Nội dung công việc	Năm 2019	Năm 2020	So sánh cùng kỳ (%)
1	Số lượt công văn đi	340	390	114
2	Số lượt công văn đến	578	647	112
3	Số lượt EMS đi - đến	2.168	3.711	171
4	Tổng số km đưa đón TG, CBCNV đi công tác	34.450	38.200	110
5	Số buổi phục vụ họp Công ty	60	79	131
6	Số buổi phục vụ họp tác giả	289	620	214

3. Công tác xã hội, từ thiện

Năm 2020, CBCNV Công ty đã đóng góp, ủng hộ đồng nghiệp bị bệnh nặng với số tiền 120 triệu đồng; Quyên góp ủng hộ những người bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid gần 20 triệu đồng. Trong đợt lũ lụt ở các tỉnh miền Trung, Công ty đã phát động phong trào "Thương về miền Trung" được toàn thể cán bộ công nhân viên nhiệt tình hưởng ứng. Số tiền huy động được là gần 550 triệu đồng, trong đó, CBCNV ủng hộ 125.200.000đ, Công ty ủng hộ 424.116.460đ.

4. Các công tác khác

4.1. Công tác Đảng, đoàn thể

Tham gia đầy đủ các hoạt động của Đảng, đoàn thể do NXBGDVN phát động; kịp thời triển khai các văn bản chỉ đạo của các cấp Đảng, đoàn thể cấp trên ban hành đến từng CBCNV.

4.2. Công tác phòng cháy, chữa cháy

Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ quy định phòng cháy, chữa cháy của BQL toà nhà.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

I - ĐỀ TÀI - XUẤT BẢN

1. SGK mới và SGK tái bản

- Rà soát sửa lỗi bản thảo sau khi có kết quả (nếu có). Triển khai in đọc định chính chống dính chính sách lớp 2, lớp 6.

- Hoàn thiện bản thảo giao in SGK, SBT lớp 2, lớp 6.

- Hoàn thiện các video tiết học minh họa phục vụ Tập huấn giáo viên lớp 2, 6 và các tài liệu phục vụ tập huấn gồm: Tài liệu thuyết minh SGK, Tài liệu tập huấn GV, Slide bài giảng của tác giả, Câu hỏi thường gặp, Bài tập kiểm tra đánh giá kết quả tập huấn.

- Hoàn thiện danh sách đội ngũ công tác viên (mỗi môn 35 cộng tác viên) tham gia tập huấn GV SGK lớp 2, lớp 6.

- Tiếp tục triển khai dạy thực nghiệm và biên soạn SGK lớp 3,7, 10.

- Thiết kế, chế bản SHS môn Toán, Văn từ lớp 7 đến lớp 9 theo phân công của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

- Đảm bảo tuyệt đối bí mật bản thảo, dữ liệu SGK mới.

2. Sách tham khảo

- Kế hoạch năm 2021 (dự kiến) gồm 120 cuốn, trong đó:

+ 85 đề tài STK thiết yếu lớp 2 và lớp 6 cho KH 2021 theo CT GDPT 2018

+ Sách chuyển KH từ 2020 sang KH 2021: 28 cuốn

+ Bộ đề trắc nghiệm luyện thi THPT Quốc gia 2021: 07 cuốn.

- Thực hiện STK TB đơn vị tự in, sách ĐT vòng 2 và sách các đơn vị in tái bản gửi về Công ty để hoàn thiện và cung cấp các BT giao in) theo đúng kế hoạch.

Dự kiến kế hoạch làm STK mới và tái bản năm 2021

	Mãng đề tài	Số lượng			Ghi chú
		Mới	Tái bản lần 1	Tổng	
1	STK theo lớp, cấp	102	33	135	
	STK theo lớp	95	32	127	
	STK theo cấp	7	1	8	
2	STK khác	5	3	8	
	- STK chất lượng cao, sách kỉ niệm - Sách NCDT và STK khác	5	3	8	
3	Sách Địa phương		1	1	
4	Sách mầm non	9		9	

	Mảng đề tài	Số lượng			Ghi chú
		Mới	Tái bản lần 1	Tổng	
5	Sách ĐH- CD- DN	1		1	
6	Từ điển – Sổ tay kiến thức	1		1	
7	Tranh ảnh, bản đồ	2	18	20	
Tổng cộng		120	55	175	

II - CÔNG TÁC TÀI CHÍNH, KINH DOANH

Chỉ tiêu kế hoạch tài chính năm 2021 (dự kiến)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2020	KẾ HOẠCH NĂM 2021
1	Tổng doanh thu	Tr. đồng	76.677	71.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	5.840	5.000
3	Tỷ suất lợi nhuận/vốn điều lệ	%	23,4	20,0%
4	Cổ tức	%/ năm	10%	10%
5	Đơn giá tiền lương	Đồng/1.000 đồng LN không lương	820	838

- Phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch tài chính, kinh doanh năm 2021.
- Tăng cường hợp tác với các đơn vị trong hệ thống NXBGDVN đẩy mạnh công tác XB - PH.
- Tăng cường công tác phát hành, đặc biệt là các bộ sách do Công ty tổ chức bản thảo, in - phát hành.
- Đảm bảo ổn định thu nhập cho CBCNV Công ty.

Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 (dự kiến)

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (Tr.đồng)	Ghi chú
1	Chi trả cổ tức	10 %	Vốn góp
2	Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	5 %	LNST
3	Trích lập Quỹ khen thưởng ban điều hành	5 %	LNST
4	Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi		LNST

Đối với lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc sử dụng đảm bảo tuân thủ các quy định của Nhà nước và báo cáo với Đại hội đồng cổ đông ở kỳ họp tiếp theo.

III - CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

- Chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất và phương tiện để phục vụ tốt nhất cho việc họp và đưa đón tác giả, BTV đi dạy thực nghiệm.

- Tiếp tục kiện toàn đội ngũ BTV và họa sĩ để đáp ứng nhu cầu công việc làm SGK mới của NXBGDVN.

- Phối hợp với NXBGDVN tổ chức giới thiệu và tập huấn giáo viên dạy SGK mới lớp 2,6.

- Chăm lo đời sống tinh thần cho CBCNV như: Tổ chức cho CBCNV khám sức khỏe định kỳ; tổ chức tham quan và học tập...

IV. KẾT LUẬN

Kính thưa Quý cổ đông!

Năm 2020, Công ty đã có nhiều cố gắng, nỗ lực trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020 đạt và vượt kế hoạch, đảm bảo đời sống cho CBCNV Công ty và đảm bảo được quyền lợi của cổ đông.

Chúng tôi tin tưởng rằng, cùng với sự góp sức của các cổ đông, đặc biệt cổ đông là cán bộ quản lý, CBCNV Công ty, năm 2021, Công ty sẽ hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- BGĐ, KTT, CBCNV;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Hồng

Hà Nội, ngày 8 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kính thưa các quý vị đại biểu,

Kính thưa quý cổ đông.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp 2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam;

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội xin báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 trước Đại hội đồng cổ đông như sau:

1. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ chức năng nhiệm vụ, Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát việc tuân thủ các qui định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty trong việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tinh trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý; kiểm tra, rà soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản quản lý, điều hành phù hợp với qui định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

- Giám sát, đóng góp ý kiến với HĐQT trong việc triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội cổ đông, với Ban Giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết HĐQT.

- Xem xét, đánh giá sự phối hợp của các bộ phận, phòng ban Công ty, có ý kiến với HĐQT, Ban Giám đốc để góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý và điều hành của Công ty.

- Giám sát và thẩm định báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính đầy đủ, hợp lý, hợp pháp của báo cáo tài chính, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Giám sát, kiểm tra thực hiện Quy chế nội bộ nhằm đảm bảo sự công bằng, minh bạch và dân chủ trong Công ty.

- Tiếp thu ý kiến góp ý của CBCNV và cổ đông về công tác quản lý, tình hình sản xuất kinh doanh, xây dựng, thực hiện kế hoạch, tiến độ biên tập bản thảo sách... để phản ánh lại với HĐQT và Ban Giám đốc để HĐQT, Ban Giám đốc nghiên cứu, xem xét điều chỉnh nếu hợp lý, phù hợp.

- Giám sát việc thực hiện tổ chức hoạt động, sản xuất kinh doanh khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty và nghị quyết ĐHĐCĐ.

2. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC

- HĐQT đã thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. HĐQT họp theo định kỳ và đột xuất tổ chức triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ và đưa ra những định hướng chiến lược phát triển SXKD của Công ty (năm 2020, HĐQT đã họp 10 phiên) và các nghị quyết HĐQT đều được Ban Giám đốc triển khai và thực hiện nghiêm túc.

- Ban Giám đốc thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao, đã có những chính sách, biện pháp cụ thể phù hợp với tình hình thực tế về các mặt hoạt động: Quản lý nhân lực, lao động, sản xuất, vật tư, tài sản.... Ban Giám đốc có những quyết định phù hợp trong việc thực hiện Nghị quyết HĐQT, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, chất lượng sản phẩm sách giáo dục, đáp ứng nhu cầu đa dạng và ngày càng cao của thị trường và xã hội.

- Trong năm 2020, công tác quản lý, điều hành của công ty đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật Điều lệ Công ty. Công ty không phát sinh bất cứ vấn đề tranh chấp nào liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Căn cứ kết quả kiểm tra, giám sát, Ban Kiểm soát không có ý kiến bổ sung với các nội dung Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành năm 2020 của HĐQT và Ban Giám đốc.

3. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Kiểm soát nhất trí với các đánh giá về hoạt động tài chính tại Báo cáo kiểm toán năm 2020 được phát hành ngày 23/2/2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam.

Tính đến thời điểm 31/12/2020, Công ty không phát sinh khoản nợ xấu nào, nguồn vốn của công ty được bảo toàn.

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản thực hiện năm 2020:

Đơn vị tính : Triệu đồng

TT	Chỉ Tiêu	KH 2020	TH 2020	TH 2019	SS TH/KH	SS TH/CK
1	Tổng Doanh thu	70.000	76.677	69.538	109%	110%
2	Lợi nhuận trước thuế	4.600	5.840	5.229	127%	112%
3	Tỷ lệ Cổ tức	10%	10%	10%	100%	100%

Năm 2020 Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông. Công ty đã đạt được những kết quả nhất định ở mảng hoạt động chính là thế mạnh của mình. Sản phẩm bán thảo và sách giáo dục của Công ty khẳng định uy tín, thương hiệu là đơn vị dẫn đầu trong công tác tổ chức bán thảo, biên tập của NXBGDVN, đây là điều kiện tốt để Công ty phát triển, mở rộng thị phần tạo thuận lợi cho việc hoạt động sản xuất kinh doanh những năm tiếp theo.

4. ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Trong năm 2020, HĐQT, Ban Giám đốc đã thực hiện đầy đủ và hoàn thành tốt các nội dung đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thông qua.

- Công tác tài chính tại Công ty thực hiện đúng quy định của Nhà nước và của NXBGDVN, nguồn vốn của Công ty được bảo toàn. Báo cáo tài chính kịp thời, đầy đủ phục vụ tốt yêu cầu công tác quản lý điều hành của HĐQT, BGĐ.

- Các chế độ, quyền lợi của người lao động được thực hiện đúng theo Bộ Luật lao động và điều lệ Công ty và quy chế nội bộ của Công ty.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ HĐQT, Ban Giám đốc, các phòng ban và toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty. Ban kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ năm 2020 theo quy định tại Điều lệ hoạt động của Công ty.

5. CÁC ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ CỦA BKS NĂM 2021

- Tiếp tục rà soát để hoàn thiện quy chế nội bộ, cập nhật các quy định hiện hành của nhà nước, phù hợp với thực tế hoạt động của công ty.

- Tiếp tục thực hiện đầy đủ, nghiêm túc quy định của nhà nước, quy chế nội bộ của Công ty, duy trì thực hiện tốt quy chế việc khai thác và quản lý bản thảo, vật tư, hàng hoá, hoạt động dịch vụ biên tập với các đơn vị trong hệ thống.

- Thực hiện có hiệu quả kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, đảm bảo thu nhập của người lao động và đội ngũ biên tập viên ổn định và phấn đấu tăng trong những năm tiếp theo.

- Phấn đấu thực hiện đạt vượt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 của Công ty

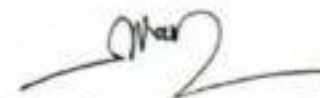
Trên đây là toàn bộ báo cáo của Ban Kiểm soát Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội. Thay mặt Ban Kiểm soát, tôi xin chân thành cảm ơn HĐQT, Ban Giám đốc và các bộ phận, phòng ban nghiệp vụ đã tạo điều kiện cho chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông đã giao.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận :

- HĐQT, Ban GD, KTT
- Quý cổ đông

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Trà Giang

Số: 22/2021/BCKT-EAV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08/01/2021 từ trang 5 đến trang 30 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Quang Trung

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1334-2018-240-1

Kim Văn Việt

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1486-2020-240-1

Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 02 năm 2021

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua các nội dung tại Đại hội)

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội

Kính thưa Đại hội; Kính thưa Quý cổ đông.

Đại hội chúng ta đã nghe các báo cáo quan trọng:

- Báo cáo hoạt động năm 2020, Kế hoạch hoạt động năm 2021 của HĐQT Công ty do đồng chí Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT báo cáo.
- Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của công ty do đồng chí Giám đốc Công ty báo cáo.
- Báo cáo kết quả giám sát hoạt động năm 2020, Kế hoạch giám sát hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát do đồng chí Trưởng ban kiểm soát báo cáo.
- Các báo cáo tổng hợp về những nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoạt động của Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

Đại hội cũng nghe nhiều ý kiến thảo luận góp ý của Quý cổ đông công ty đóng góp để đưa công ty ngày càng phát triển. Đề nghị Đại hội xem xét thông qua những nội dung sau:

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020, Kế hoạch hoạt động năm 2021.
2. Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch sản xuất năm 2021 của Ban Giám đốc với các chỉ tiêu tài chính chủ yếu sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020		Kế hoạch 2021
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	Tổng doanh thu	Tr. đồng	70.000	76.677	71.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	4.600	5.840	5.000
3	Tỷ suất lợi nhuận/vốn	%	18,4%	23,4	20%
4	Cổ tức	%/ năm	10%	10%	10%
5	Đơn giá tiền lương	Đồng/1.000 đồng LN không lương	825	820	838

3. Phân phối lợi nhuận và cổ tức năm 2020:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (Tr.đồng)	Ghi chú
1	Lợi nhuận còn lại những năm trước	500	
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2020	5.005	
3	Chi trả cổ tức (10%)	2.500	
4	Trích lập Quỹ đầu tư phát triển (5%)	250	
5	Trích lập Quỹ khen thưởng ban điều hành (5%)	250	
6	Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.005	
7	Lợi nhuận để lại năm sau	500	

4. Kế hoạch phân phối lợi nhuận và cổ tức năm 2021:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021	Ghi chú
1	Chi trả cổ tức	10%	Vốn góp
2	Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	5%	LNST
3	Trích lập Quỹ khen thưởng ban điều hành	5%	LNST
4	Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi	Phần LN còn lại	

5. Báo cáo kết quả giám sát hoạt động năm 2020, Kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban Kiểm soát.
6. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam.
7. Mức thù lao của Ban điều hành năm 2020 là 360 triệu đồng.
8. Đề xuất mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021 là 318 triệu đồng.
9. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định điều chỉnh đơn giá tiền lương khi đã đạt được các chỉ tiêu tài chính kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

10. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn đơn vị Kiểm toán có đủ tiêu chuẩn, năng lực theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.
11. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định, triển khai ký kết các Hợp đồng liên quan đến việc làm sách giáo khoa theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 2018 có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán với các đối tác được sự đồng ý của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, bao gồm: Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, các đơn vị thành viên của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các đối tác khác (nếu có).
12. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoạt động của Công ty.
13. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
14. Tờ trình về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
15. Tờ trình về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Trên đây là các nội dung Ban điều hành đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 biểu quyết thông qua.

Trân trọng cảm ơn!



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



TRẦN QUANG VINH

—o0o—

Số: 01/TTTr - DHDCD

—o0o—

Hà Nội, ngày 4 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoạt động của Công ty CPDVXBGDHN)

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2020 về việc hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội.

Kể từ ngày 01/01/2021, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 (Luật Doanh nghiệp 2020) chính thức có hiệu lực; ngày 31/12/2020, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 116/2020/TT-BTC ban hành mẫu Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần. Từ yêu cầu thực tế của quá trình quản trị, điều hành Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản của Điều lệ Công ty cần được xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và phù hợp với các yêu cầu quản trị, điều hành Công ty.

Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua những điểm sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoạt động của Công ty được chi tiết tại bảng tổng hợp đính kèm. Điều lệ này được xây dựng dựa trên cơ sở tham chiếu bản Điều lệ mẫu tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Điều lệ được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Quang Vinh

SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI NĂM 2021

Tổng hợp sửa đổi Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội năm 2021

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
Phần mở đầu	<p>Điều lệ này của CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI dưới đây gọi là "Công ty", là một công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.</p> <p>Điều lệ này được các cổ đông của Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội thông qua theo Nghị quyết hợp lệ tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 tổ chức chính thức vào ngày 24 tháng 4 năm 2018 và thay thế Điều lệ đã được thông qua tại phiên họp ngày 28 tháng 4 năm 2016.</p>	<p>Điều lệ này của CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI dưới đây gọi là "Công ty", là một công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.</p> <p>Điều lệ này được các cổ đông của Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội thông qua theo Nghị quyết hợp lệ tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 tổ chức chính thức vào ngày 27 tháng 4 năm 2021 và thay thế Điều lệ đã được thông qua tại phiên họp ngày 24 tháng 4 năm 2018.</p>	Phần mở đầu	<p>Cập nhật theo Luật DN mới</p> <p>Cập nhật lại ngày tháng thông qua theo Đại hội mới</p>
Điều 1. Định nghĩa	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:	Điều 1. Giải thích thuật ngữ	Cập nhật theo Luật DN mới
	b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;	b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khoá XIV thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;		Cập nhật theo Luật CK mới
	c. "Luật chứng khoán" là Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;	c. "Luật chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019		Bổ sung định nghĩa theo Điều lệ mẫu TT116/2020
	Không có	f. Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty		Bổ sung định nghĩa theo Điều lệ mẫu TT116/2020
	Không có	g. "Người có quan hệ gia đình" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020;		Thay đổi dẫn chiếu
	f. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật DN, khoản 34, Điều 6 Luật Chứng khoán	h. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật DN, khoản 36, Điều 4 Luật Chứng khoán		Thay đổi dẫn chiếu
g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại Khoản 9 Điều 6 Luật Chứng Khoán.	i. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng Khoán.			
II.	TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT	TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	II.	Sửa tên mục theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)
Điều 2.	Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	Điều 2.	Sửa tên điều theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.	6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.	Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp. 4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.	2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn có phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp. 4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây: a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.	Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu) Sửa đổi, bổ sung nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)
Điều 10. Thu hồi cổ phần	4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng Quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp.	4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	Điều 10. Thu hồi cổ phần	Thay đổi dẫn chiếu
Điều 12. Quyền của cổ đông	2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng	2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết; b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ	Điều 12. Quyền của cổ đông	Sửa đổi, bổ sung nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>có đóng;</p> <p>c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;</p> <p>d) Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;</p> <p>e) Xem xét, tra cứu, trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p> <p>f) Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>g) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>h) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;</p> <p>i) Yêu cầu công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>j) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.</p>	<p>đóng;</p> <p>c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;</p> <p>d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;</p> <p>e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;</p> <p>bỏ</p> <p>f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;</p> <p>h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</p> <p>k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;</p> <p>l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>		

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>bổ</p> <p>ã. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật doanh nghiệp;</p> <p>b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</p> <p>ẽ. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp</p> <p>e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>		<p>Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)</p> <p>Thay đổi dẫn chiếu</p> <p>Bổ sung nội dung theo Điều lệ mẫu TT116/2020</p> <p>Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)</p> <p>Bổ sung nội dung theo Điều lệ mẫu TT116/2020</p>
	Không có	<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá</p>		Bổ sung nội dung theo Điều 115 Luật doanh nghiệp

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	Không có	<p>thẩm quyền được giao;</p> <p>b) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p>		Bổ sung nội dung theo khoản 3 Điều 12 Điều lệ mẫu TT116/2020

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</p>	<p>Cổ đông có các nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: <ol style="list-style-type: none"> Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành; Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: <ol style="list-style-type: none"> Vi phạm pháp luật; Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty. 	<p>Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua; Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: <ol style="list-style-type: none"> Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: <ol style="list-style-type: none"> Vi phạm pháp luật; Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành. 7 	<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</p>	<p>Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)</p> <p>Bổ sung nghĩa vụ của cổ đông về bảo mật thông tin theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)</p> <p>Bổ sung nghĩa vụ của cổ đông về bảo mật thông tin theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	<p>Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p>	Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)
	<p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</p>	<p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.</p>		Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b) Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ.</p> <p>c) Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này.</p> <p>d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;</p> <p>e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 60 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>		<p>Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)</p>
	<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 hoặc nhận được yêu cầu quy định</p>	<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d</p>		<p>Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a, Khoản 4, Điều 14 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5, Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b Khoản 4, Điều 14 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều 14 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>5. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở, đi lại.</p>	<p>khoản 3 Điều này;</p> <p>b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p> <p>d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p>		<p>Sửa dẫn chiếu</p> <p>Sửa dẫn chiếu</p> <p>Bổ sung nội dung theo TT 116/2020 (Điều lệ mẫu)</p>
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	<p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>a) Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;</p> <p>b) Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>d) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</p>	<p><u>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</u></p> <p><u>a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</u></p> <p>b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;</p> <p>e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</p> <p><u>f) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</u></p>	Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
		<p>g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p> <p>i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p>		
	<p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>a) Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>b) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các</p>	<p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b) Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;</p> <p>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; trường hợp công ty hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, thành viên độc lập Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;</p> <p>e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>f) <u>Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</u></p>		

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>có đóng tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập</p> <p>e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>f) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p> <p>g) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</p> <p>h) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;</p> <p>i) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>j) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>k) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p> <p>l) Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán.</p> <p>m) Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;</p> <p>n) Việc Giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị tính đến trước ngày 01/8/2020, sau thời điểm trên, Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm Giám đốc.</p> <p>o) Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p>	<p>g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật</p>		

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	p) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;	<p>Chứng khoán;</p> <p>t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> <p>u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;</p>		
	3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:	Bỏ		Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)
Điều 16. Các đại diện được ủy quyền	1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.	1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp	Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)
	<p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp.</p> <p>b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp.</p> <p>c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật củ cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.</p>	<p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p>		Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).	Bỏ		Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)
	4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 16, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:	3. Phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:		Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)
Điều 17. Thay đổi các quyền	1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.	1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	Điều 17. Thay đổi các quyền	Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)
	3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này	3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.		
Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.	1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.	Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</p>		Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)
	<p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư)....., bao gồm:</p> <p>a)...</p> <p>b)...</p> <p>c)...</p> <p>d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp</p> <p>e) Dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	<p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp <u>chậm nhất 21</u> ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ)., bao gồm:</p> <p>a)...</p> <p>b)...</p> <p>c)...</p> <p>d) bỏ</p> <p>d) Dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>		

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân, tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp		
	5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 của Điều 18 trong các trường hợp sau: a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5%] cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này; -----	5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau: a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này; b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này; -----		
	không có	6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.		
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>trên 50%</u> tổng số phiếu biểu quyết	Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)
	2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại	2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày		

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</p>		
	<p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.</p>	<p>3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p>		
<p>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngày và sau đó có</p>	<p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:</p> <p>a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai</p>	<p>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm đứng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không thay đổi.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p> <p>6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.</p> <p>7. Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</p> <p>8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể yêu</p>	<p>mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm đứng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</p> <p>d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p> <p>3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p> <p>4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.</p> <p>a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn</p>		

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Người triệu tập cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Người triệu tập sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.</p> <p>9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được cho là thích hợp để:</p> <p>a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</p> <p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> <p>10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>a) Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");</p> <p>b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;</p> <p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p> <p>11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.</p> <p>12. Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> <p>5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:</p> <p>a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;</p> <p>b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, có ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p> <p>c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</p> <p>9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để</p>		

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành. 10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.		
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	<p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, Khoản 3 của Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>a) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>b) Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;</p> <p>c) Miễn nhiệm, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc;</p> <p>2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p>	<p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>đ) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có</p>	Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.	hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.		
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, kể cả các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 143 Luật Doanh nghiệp	1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp	Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)
	3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;	3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.		Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)
	6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.	6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.		Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)
	7. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (giờ) hoặc gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm ngày (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;	7. Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (giờ) hoặc gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm ngày (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;		Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được số cổ đông đại diện ít nhất 51% <u>trên 50%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.		Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mới)
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau: i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau: i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng tiếng Anh <u>nước ngoài</u> đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh <u>tiếng nước ngoài</u> thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.	Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mới)
	2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.	2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.		
	3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.	3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ thời điểm <u>thời điểm</u> kết thúc cuộc họp.		

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	5. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.		
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	<p>Trong thời hạn chín mươi ngày kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này;</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</p> <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p>Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</p>	Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	<p>1. Trường hợp ... Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <p>a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p> <p>b. Trình độ học vấn;</p> <p>c. Trình độ chuyên môn;</p> <p>d. Quá trình công tác;</p> <p>e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;</p>	<p>1. Trường hợpThông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:</p> <p>a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p> <p>b. Bó</p> <p>b) Trình độ chuyên môn;</p> <p>c) Quá trình công tác;</p> <p>d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);</p>	Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;</p> <p>g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</p> <p>h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</p> <p>i. Các thông tin khác (nếu có).</p>	<p>e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;</p> <p>f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;</p> <p>g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p>		
	<p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p>	<p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% ứng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>		
	<p>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	<p>3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty. Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p>		
	<p>Không có</p>	<p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>		

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ít nhất là 05 người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp công ty hoạt động theo mô hình quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo ít nhất một phần năm (1/5) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị của công ty có ít hơn (05) năm người, công ty phải đảm bảo có một thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. Sau khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán, tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ít nhất là 05 người và nhiều nhất là 11 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p> <p>2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp công ty hoạt động theo mô hình quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo ít nhất một phần năm (1/5) tổng số thành viên Hội đồng quản trị của công ty đại chúng chưa niêm yết hoạt động theo mô hình nêu trên có ít hơn 05 người, Công ty phải đảm bảo có 01 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. Đối với công ty niêm yết tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau: a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.</p>	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)
	<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau: a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị; b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;</p>	<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.</p>		Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>e) Thành viên đó bị miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>f) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</p> <p>g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>			
Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	<p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>c) Bổ nhiệm và bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;</p> <p>d) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người điều hành khác;</p> <p>e) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;</p> <p>f) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>g) Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;</p> <p>h) Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;</p>	<p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</p> <p>e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p>	Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;</p> <p>k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;</p> <p>l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;</p> <p>m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</p> <p>n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc ;</p> <p>p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).</p> <p>3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>a) Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>b) Thành lập các công ty con của Công ty;</p> <p>c) Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;</p> <p>d) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</p> <p>e) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</p> <p>f) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 1 tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</p>	<p>l) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;</p> <p>l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;</p> <p>q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;</p> <p>s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>		

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>g) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>h) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i) Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần đã được chào bán trong vòng 12 tháng;</p> <p>j) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;</p> <p>k) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.</p>			
	<p>4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p>5. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p>	<p>3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>		
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.</p> <p>2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được</p>	<p>1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p> <p>2. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục</p>	Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. Thủ lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Không có</p>	<p>riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.</p>		
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	<p>1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)
	5. Không có	5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị (theo nguyên tắc		

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
		quy định tại Điều lệ công ty). Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạ chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.		
Điều 30 . Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi nào xét thấy cần thiết, ít nhất mỗi quý phải họp một lần.	2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.	Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)
	5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty. 6. Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.	Bỏ		
	7. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày làm việc trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần	5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức		

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại công ty.</p>	<p>khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p>		
	<p>Không có</p>	<p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>		
	<p>9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</p> <p>b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p> <p>10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p>	<p>8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.</p> <p>9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p> <p>10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p>		

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.</p> <p>11. Biểu quyết:</p> <p>a) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30 Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân theo quy định tại khoản 8 Điều này tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>c) Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30 Điều lệ này khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp quyết định và phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.</p> <p>d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p> <p>e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>12. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực</p>			

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.			
	<p>13. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.</p> <p>14. Nghị quyết bằng văn bản. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.</p>	<p>11. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>		
	<p>15. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp.</p>	Bỏ		
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	<p>1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một 01 người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng</p>	<p>1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5</p>	Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	Sửa nội dung theo TT 16/2020 (Điều lệ mẫu)

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>quản trị quyết định, tối đa là năm 05 năm.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <p>a. Có hiểu biết về pháp luật;</p> <p>b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;</p> <p>c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</p>		
	<p>3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.</p>	Bỏ		
	<p>4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>....</p> <p>Không quy định</p>	<p>3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>....</p> <p>h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p>		
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp	<p>không có</p> <p>1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị Công ty được sử dụng số lượng và chức danh người điều hành cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Người điều hành doanh nghiệp phải có sự miễn cần cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</p> <p>2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.</p> <p>3. Không có</p>	<p>1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty</p> <p>2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>3. Giám đốc được trả lương và thưởng, Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.</p> <p>4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo</p>	<p>Điều 34. Người điều hành Công ty</p>	<p>bổ sung nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)</p> <p>Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)</p> <p>bổ sung nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)</p>

Tổng hợp sửa đổi Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội năm 2021

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
		cao tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.		
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc	1. Bổ nhiệm. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.	1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.	Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc	Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)
	Không có	2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.		Bổ sung nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)
	2. Nhiệm kỳ. Nhiệm kỳ của Giám đốc điều hành là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.		
	3. Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau: a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua; b) Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất; c) Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; đ) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty; e) Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ	4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau: a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty; đ) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, tái nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;		Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;</p> <p>l) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</p> <p>g) Chậm nhất ngày 31 tháng 12 hàng năm, Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.</p> <p>h) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.</p> <p>i) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc và pháp luật.</p> <p>4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.</p>	<p>g) Tuyển dụng lao động;</p> <p>h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>		
Điều 37. Kiểm soát viên	<p>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>...</p> <p>3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm</p>	<p>2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>...</p> <p>Tách Trưởng ban kiểm soát thành điều riêng – Điều 38</p>	Điều 37. Kiểm soát viên	<p>Sửa dẫn chiếu</p> <p>Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trường ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p>			
	<p>4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>...</p> <p>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>.....</p>	<p>3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>...</p> <p>bỏ</p> <p>.....</p>		Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)
	<p>5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>.....</p> <p>Không có</p> <p>.....</p>	<p>4. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>.....</p> <p>b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>.....</p>		Bổ sung nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)
Chưa có	Chưa có	<p>1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:</p> <p>a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p>	Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát	Bổ sung nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
Điều 38. Ban Kiểm soát	<p>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;</p> <p>.....</p> <p>e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</p> <p>.....</p> <p>e. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>f. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>g. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</p> <p>h. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	<p>Sửa dẫn chiếu</p> <p>Bổ sung nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)</p> <p>Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)</p> <p>Bổ sung nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)</p>
	<p>2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và Hội đồng quản trị.</p>	Bỏ		

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên.	Quy định lại thành Điều riêng (Điều 40)		
	4. Mức thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.	Quy định lại thành Điều riêng (Điều 41)		
Chưa có	Chưa có	<p>1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p>	Điều 40, Cuộc họp của Ban kiểm soát	Bổ sung nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)
Chưa có	Chưa có	<p>Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được</p>	Điều 41, Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	Bổ sung nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
		tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.		
Điều 39. Trách nhiệm cán trọng			Điều 42 Trách nhiệm cán trọng	Sửa số thứ tự điều
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác	1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.	Điều 43 Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Sửa đổi, bổ sung nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)
	3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.	3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.		
	4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp ty công đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập	4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. 5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có		

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p> <p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c). Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và có các tổ chức, cá nhân liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông</p>	<p>liên quan.</p> <p>6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Đối với <u>giao dịch</u> có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng <u>35%</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b) Đối với <u>giao dịch</u> có giá trị lớn hơn <u>35%</u> hoặc <u>giao dịch</u> dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ <u>35%</u> trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết tán thành của từ <u>65%</u> trở lên các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p>		

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.			
Điều 41.	Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	Điều 44.	Sửa số thứ tự điều
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỐ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY			XI. QUYỀN TRẢ CỨU SỐ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	Sửa tên mục theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)
Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty.	1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau: a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.	Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	Sửa tên điều, nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)
	Không có	2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.		
Điều 43.	Điều 43. Công nhân viên và công đoàn	Điều 46. Công nhân viên và công đoàn	Điều 46.	Sửa số thứ tự điều
Điều 44.	Điều 44. Phân phối lợi nhuận	Điều 47. Phân phối lợi nhuận	Điều 47.	Sửa số thứ tự điều

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
XIV.	XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỮ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	XIV.	Sửa tên mục theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)
Điều 45.	Điều 45. Tài khoản ngân hàng	Điều 48. Tài khoản ngân hàng	Điều 48.	Sửa số thứ tự điều
Điều 46.	Điều 46. Năm tài chính	Điều 49. Năm tài chính	Điều 49.	Sửa số thứ tự điều
Điều 47.	Điều 47. Chế độ kế toán	Điều 50. Chế độ kế toán	Điều 50.	Sửa số thứ tự điều
Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	<p>1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này, và trong thời hạn 120 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.</p> <p>5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p>	<p>1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p>	Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
Điều 49.	Điều 49. Báo cáo thường niên	Điều 52. Báo cáo thường niên	Điều 52.	Sửa số thứ tự điều
Điều 50. Kiểm toán	2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Bỏ	Điều 53. Kiểm toán	Sửa tên điều theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)
Điều 51. Con dấu	không có 1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty. 2. Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.	1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. 2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có). 3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.	Điều 54. Dấu của doanh nghiệp	Sửa tên điều, nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)
XVIII.	CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	GIẢI THỂ CÔNG TY	XVIII.	Sửa tên mục theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)
Điều 52. Chấm dứt hoạt động	1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: a) Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn; b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; c) Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. d) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.	1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau: a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn; b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác; d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	Điều 55. Giải thể công ty	Sửa tên điều, nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)
Điều 53.	Điều 53. Gia hạn hoạt động	Điều 56. Gia hạn hoạt động	Điều 56.	Sửa số thứ tự điều
Điều 54.	Điều 54. Thanh lý	Điều 57. Thanh lý	Điều 57.	Sửa số thứ tự điều
Điều 55.	Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ	Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ	Điều 58.	Sửa số thứ tự điều
Điều 56.	Điều 56. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	Điều 59. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	Điều 59.	Sửa số thứ tự điều

Tổng hợp sửa đổi Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội năm 2021

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
Điều 57. Ngày hiệu lực	1. Bản điều lệ này gồm XXI chương 57 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội nhất trí thông qua ngày ... tháng năm 2018 và cũng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	1. Bản điều lệ này gồm XXI chương 60 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội nhất trí thông qua ngày ... tháng năm 2021 và cũng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	Điều 60. Ngày hiệu lực	Sửa ngày hiệu lực Sửa số thứ tự điều
	2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó: a) Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương b) Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố; c) Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.	2. Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.		Sửa nội dung theo TT116/2020 (Điều lệ mẫu)

—o0o—

—o0o—

Số: 02/TT-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 1 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của
Công ty CPDVXBGDHN)

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2020 về việc hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội.

Kể từ ngày 01/01/2021, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 (Luật Doanh nghiệp 2020) chính thức có hiệu lực; ngày 31/12/2020, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 116/2020/TT-BTC ban hành mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Từ yêu cầu thực tế của quá trình quản trị, điều hành Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản của Quy chế nội bộ về quản trị công ty cần được xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và phù hợp với các yêu cầu quản trị, điều hành Công ty.

Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua những điểm sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty được chi tiết tại bảng tổng hợp đính kèm. Quy chế này được xây dựng dựa trên cơ sở tham chiếu bản Quy chế mẫu tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Quy chế được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Quang Vinh

**SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI NĂM 2021**

Quy chế cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Quy chế mới	Ghi chú
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	<p>1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là Công ty) được xây dựng theo quy định của:</p> <p>a). Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014.</p> <p>b) Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006.</p> <p>c) Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11;</p> <p>d) Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với các Công ty đại chúng;</p> <p>e) Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 hướng dẫn về một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với các Công ty đại chúng;</p> <p>f) Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 04 năm 2018;</p>	<p>1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là Công ty) được xây dựng theo quy định của:</p> <p>a). Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.</p> <p>b) Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019.</p> <p>c) Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với các Công ty đại chúng;</p> <p>d) Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn về một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với các Công ty đại chúng;</p> <p>e) Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 27 tháng 04 năm 2021;</p>	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	<p>Cập nhật văn bản Luật và các văn bản hướng dẫn Luật mới</p> <p>Đổi lại ngày tháng thông qua theo Đại hội mới</p>
Điều 2. Giải thích thuật ngữ	<p>2. "Điều lệ Công ty" là Điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội được thông qua ngày 24/04/2018;</p> <p>4. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>5. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;</p> <p>8. Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.</p>	<p>2. "Điều lệ Công ty" là Điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội được thông qua ngày 27/4/2021;</p> <p>4. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 6 năm 2020;</p> <p>5. "Luật chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p> <p>8. Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán.</p>	Điều 2. Giải thích thuật ngữ	Sửa theo Điều lệ (Điều 1)

Quy chế cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Quy chế mới	Ghi chú
	9. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;	9. Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty; 10. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;		
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông	1. Cổ đông phổ thông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 114, Điều 115 Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là:	1. Cổ đông phổ thông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 115, Điều 119 Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là:	Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông	Sửa dẫn chứng
Chương II.	Chương II. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	Chương II. Đại hội cổ đông	Chương II.	Sửa đổi cho phù hợp các nội dung của chương
		1. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. 2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau: a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty; b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;	Điều 5. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	Bổ sung nội dung theo TT 116/2020 (Quy chế mẫu)

Quy chế cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Quy chế mới	Ghi chú
		<p>c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</p> <p>f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p> <p>i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p>		
<p>Điều 5. Trình tự tổ chức Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>1. a) Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty, cụ thể như sau ... - Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài</p>	<p>1. a) Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo Khoản 3 Điều 15 Điều lệ Công ty, cụ thể như sau ...</p>	<p>Điều 6. Trình tự tổ chức Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Sửa theo Điều 14 khoản 3 Điều lệ mới</p> <p>Bỏ nội dung theo Thông</p>

Quy chế cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Quy chế mới	Ghi chú
	<p>chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p> <p>- Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị, bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại khoản 1 Điều 26 Điều lệ Công ty;</p> <p>- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục từ sáu (06) tháng trở lên yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản.</p> <p>- Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành doanh nghiệp khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>b)</p> <p>- Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>2.. .</p> <p>a)...</p> <p>b) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, sau đó người triệu tập cuộc họp tuyên bố khai mạc đại hội và thực hiện bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu quy định tại khoản 2 Điều 142 Luật Doanh nghiệp, cụ thể như sau:</p> <p>Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết</p>	<p>- Bỏ</p> <p>- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p> <p>- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản.</p> <p>- Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành doanh nghiệp khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>b)</p> <p>- Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>2...</p> <p>a)...</p> <p>b) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, sau đó người triệu tập cuộc họp tuyên bố khai mạc đại hội và thực hiện bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu quy định tại khoản 2 Điều 146 Luật Doanh nghiệp, cụ thể như sau:</p>		<p>tư số 116/2020.</p> <p>Bỏ ràng buộc 6 tháng liên tục</p> <p>Sửa dẫn chiếu</p> <p>Thay đổi thời gian lập danh sách cổ đông theo Điều lệ (Điều 18)</p> <p>Thay đổi dẫn chiếu</p> <p>Bỏ ràng buộc trong vòng</p>

Quy chế cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Quy chế mới	Ghi chú
	theo quy định trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Trường hợp đại hội lần thứ 2 không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội.....	Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo quy định, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Trường hợp đại hội lần thứ 2 không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này.....		30 phút
Điều 6.	Điều 6. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 7. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 7	
Điều 7.	Điều 7. Cổ đông tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 8. Cổ đông tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 8.	
Điều 8.	Điều 8. Bầu, biểu quyết tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 9. Bầu, biểu quyết tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 9.	
Điều 9.	Điều 9. Cách thức phân đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty	Điều 10. Cách thức phân đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty	Điều 10.	
Điều 10. Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	3. Nghị quyết của cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Được số cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đại diện ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành. 5. Quy trình và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo Điều 22 Điều lệ Công ty. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	3. Nghị quyết của cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Được số cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành. 5. Quy trình và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo Điều 22 Điều lệ Công ty. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Điều 11. Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	Sửa nội dung theo Điều lệ (Điều 21)
Điều 11.	1. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi	Điều 12.	Sửa nội dung theo Điều lệ

Quy chế cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Quy chế mới	Ghi chú
Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	<p>nhiệm ghi lại toàn bộ diễn biến Đại hội, lập biên bản cuộc họp. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>---</p> <p>d. Họ, tên chủ tọa và thư ký</p>	<p>biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>---</p> <p>d. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>Trưởng họp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p>	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	(Điều 23)
Chương III	Chương III . Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	Chương III. <u>Hội đồng quản trị</u>	Chương III	Sửa đổi cho phù hợp các nội dung của chương
	Chưa có	<p>Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</p>	Điều 13. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Bổ sung nội dung theo Thông tư số 116/2020

Quy chế cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Quy chế mới	Ghi chú
		<p>e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;</p> <p>l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p>		

Quy chế cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Quy chế mới	Ghi chú
		<p>n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;</p> <p>q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;</p>		
Điều 12.	Điều 12. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	Điều 14. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	Điều 14.	Sửa số thứ tự điều
Điều 13. Thành viên Hội đồng quản trị	<p>1. Số lượng thành viên ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có đủ năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp</p> <p>b) Có năng lực, kinh nghiệm trong tổ chức, quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty;</p> <p>c) Các điều kiện khác theo Quy định của Pháp luật</p> <p>2. Kể từ ngày 01 tháng 08 năm 2020, Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc của Công ty. Đến thời điểm quy định tại khoản này có hiệu lực, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm chức danh Giám đốc của Công ty và phải được Đại hội đồng cổ đông thường niên hằng năm chấp thuận.</p> <p>3. Kể từ ngày 01 tháng 08 năm 2019, thành viên Hội đồng quản trị của một (01) công ty đại chúng không</p>	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 05 người và nhiều nhất là 11 người. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên. Thành viên độc lập HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện như khoản 2 điều 155 luật doanh nghiệp.</p> <p>Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT của công ty không quá 2 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc</p>	Điều 15. Thành viên Hội đồng quản trị	Sửa số thứ tự điều Sửa đổi, bổ sung theo Điều lệ (Điều 26)

Quy chế cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Quy chế mới	Ghi chú
	<p>được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá năm (05) công ty khác. Trước thời điểm quy định tại khoản này có hiệu lực, thành viên Hội đồng quản trị của công ty đại chúng có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác.</p>	<p>Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>a) Có đủ năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;</p> <p>c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;</p> <p>d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;</p> <p>e) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.</p>		
<p>Điều 14. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền góp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng</p>	<p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương</p>	<p>Điều 16. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Sửa thứ tự điều Sửa nội dung theo Điều lệ công ty (Điều 25)</p>

Quy chế cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Quy chế mới	Ghi chú
	viên.	<p>nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>		
Điều 15. Bầu thành viên Hội đồng quản trị	<p>1. Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, được quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.</p> <p>2. Bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, số thành viên độc lập Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. Nguyên tắc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện như tại khoản 1 Điều 15 Quy chế này.</p>	<p>1. Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, được quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.</p> <p>2. Bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, số thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. Nguyên tắc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện như tại khoản 1 Điều 16 Quy chế này.</p>	Điều 17. Bầu thành viên Hội đồng quản trị	<p>Sửa thứ tự điều</p> <p>Sửa dẫn chiếu</p> <p>Sửa nội dung theo Điều lệ (Điều 14)</p>
Điều 16	Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	Điều 18. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	Điều 18	Sửa thứ tự điều
Điều 17	Điều 17. Thông báo về thay đổi, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	Điều 19. Thông báo về thay đổi, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	Điều 19.	Sửa thứ tự điều
Chưa có	Chưa có	<p>Điều 20. Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên</p>	Điều 20	Bổ sung nội dung theo Điều lệ (Điều 28)

Quy chế cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Quy chế mới	Ghi chú
		<p>Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.</p> <p>2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội cổ đông.</p>		
Điều 18. Triệu tập họp Hội	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp	Điều 21. Triệu tập họp Hội	Sửa thứ tự điều Sửa nội dung theo Điều lệ (Điều 30)

Quy chế cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Quy chế mới	Ghi chú
đồng quản trị	năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.	ít nhất ba (03) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.	đồng quản trị	
	<p>5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p> <p>6. Người triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị có trách nhiệm bố trí nhân sự trong Công ty đảm nhiệm việc chuẩn bị và gửi thông báo họp theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.</p>	<p>Bỏ</p> <p>5. Người triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị có trách nhiệm bố trí nhân sự trong Công ty đảm nhiệm việc chuẩn bị và gửi thông báo họp theo quy định tại Điều 22 Quy chế này.</p>		
Điều 19. Cuộc họp Hội đồng quản trị	<p>1. c. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty</p> <p>4. d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó được quy định: - Đối với mỗi hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan; - Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi</p>	<p>1. Bỏ</p> <p>4. d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó được quy định: - Đối với mỗi hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan; - Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn ba lăm</p>	Điều 22. Cuộc họp Hội đồng quản trị	Sửa số thứ tự điều Sửa theo Điều lệ (khoản 7 điều 30)

Quy chế cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Quy chế mới	Ghi chú
	phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số cổ phiếu còn lại tán thành;	phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số cổ phiếu còn lại tán thành;		
Điều 20. Thông báo họp Hội đồng quản trị	1. Giấy mời họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp 2. Thành viên Hội đồng quản trị nếu như không nhận được Giấy mời họp và tài liệu họp đúng thời hạn do lỗi của những cá nhân ở khoản 6 Điều 18 Quy chế này có quyền đề nghị hoãn lại ngày họp và Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ tổ chức lại theo đề nghị của thành viên Hội đồng quản trị	1. Giấy mời họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn ít nhất <u>ba (03)</u> ngày làm việc trước ngày họp 2. Thành viên Hội đồng quản trị nếu như không nhận được Giấy mời họp và tài liệu họp đúng thời hạn do lỗi của những cá nhân ở <u>khoản 5 Điều 20</u> Quy chế này có quyền đề nghị hoãn lại ngày họp và Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ tổ chức lại theo đề nghị của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 23. Thông báo họp Hội đồng quản trị	Sửa thứ tự điều Sửa nội dung theo Điều lệ (Khoản 7 Điều 30) Sửa nội dung theo Thông tư số 116/2020
Điều 21	Điều 21. Ủy quyền tham dự cuộc họp Hội đồng cổ đông	Điều 24. Ủy quyền tham dự cuộc họp Hội đồng cổ đông	Điều 24	Sửa thứ tự điều
Điều 22	Điều 22. Cách thức phân đối, yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Hội đồng quản trị	Điều 25. Cách thức phân đối, yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Hội đồng quản trị	Điều 25	Sửa thứ tự điều
Điều 23	Điều 23. Biên bản và thông qua biên bản họp Hội đồng quản trị	Điều 26. Biên bản và thông qua biên bản họp Hội đồng quản trị	Điều 26	Sửa thứ tự điều
Điều 24	Điều 24. Công bố thông tin về nghị quyết Hội đồng quản trị	Điều 27. Công bố thông tin về Nghị quyết của Hội đồng quản trị	Điều 27	Sửa thứ tự điều
Chương V	Chương V. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÀI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN	Chương V. <u>Ban Kiểm soát</u>	Chương V	Sửa tên chương cho phù hợp nội dung chương
Điều 25. Tiêu chuẩn Kiểm soát	1.... 2. a. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều	1.... 2. a. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và	Điều 28. Tiêu chuẩn Kiểm soát	

Quy chế cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Quy chế mới	Ghi chú
viên	kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau: ...	điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau: ...	viên	Sửa dẫn chiếu Sửa thứ tự điều
Điều 26. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên	2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	Điều 29. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên	Sửa thứ tự điều Sửa nội dung theo Điều lệ (Điều 25, Điều 36)
Điều 27. Cách thức bầu Kiểm soát viên	1. Bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.	Bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty	Điều 30. Cách thức bầu Kiểm soát viên	Sửa dẫn chiếu Sửa số thứ tự điều
Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	1. b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng 2. Chưa có	1. Bỏ 2. b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng	Điều 31. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	Sửa số thứ tự điều Đổi trường hợp bãi nhiệm, miễn nhiệm
Điều 29	Điều 29. Thông báo thay đổi, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên	Điều 32. Thông báo thay đổi, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên	Điều 32	Sửa số thứ tự điều
Chưa có	Chưa có	Điều 33. Thủ lao, tiền lương và các quyền lợi khác của Kiểm soát viên. Mức thủ lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi tham gia các cuộc họp của Ban	Điều 33	Bổ sung nội dung theo Điều lệ (Điều 41).

Quy chế cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Quy chế mới	Ghi chú
		kiểm soát hoặc thu thực hiện các nhiệm vụ khác của Ban Kiểm soát.		
Điều 30	Điều 30. Hệ thống quản lý điều hành doanh nghiệp	Điều 34. Hệ thống quản lý điều hành doanh nghiệp	Điều 34	Sửa số thứ tự điều
Điều 31	Điều 31. Tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp	Điều 35. Tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp	Điều 35	Sửa số thứ tự điều
Điều 32	Điều 32. Bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp	Điều 36. Bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp	Điều 36	Sửa số thứ tự điều
Điều 33	Điều 33. Quy định về ký hợp đồng lao động đối với người điều hành doanh nghiệp	Điều 37. Quy định về ký hợp đồng lao động đối với người điều hành doanh nghiệp	Điều 37	Sửa số thứ tự điều
Điều 34	Điều 34. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với người điều hành doanh nghiệp	Điều 38. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với người điều hành doanh nghiệp	Điều 38	Sửa số thứ tự điều
Điều 35	Điều 35. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp.	Điều 39. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp.	Điều 39	Sửa số thứ tự điều
Chưa có	Chưa có	Điều 39. Tiền lương và các lợi ích khác của người điều hành doanh nghiệp. Tiền lương và lợi ích khác của người điều hành doanh nghiệp do Hội đồng quản trị quyết định. Người điều hành doanh nghiệp được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi thực hiện nhiệm vụ điều hành doanh nghiệp.	Điều 40	Bổ sung nội dung theo Điều lệ (Điều 32) Sửa số thứ tự điều
Điều 36.	Điều 36. Cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc 4. Việc triệu tập, thông báo mời họp, biên bản họp và thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 166 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.	Điều 41. Cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc 4. bỏ	Điều 41	Sửa số thứ tự điều Sửa nội dung theo Luật Doanh nghiệp.
Điều 37	Điều 37. Thông báo của Hội đồng quản trị cho Ban Kiểm soát	Điều 42. Thông báo của Hội đồng quản trị cho Ban Kiểm soát	Điều 42	Sửa số thứ tự điều

Tổng hợp sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội năm 2021

Quy chế cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Quy chế mới	Ghi chú
Điều 38	Điều 38. Vấn đề báo cáo và cung cấp thông tin của Giám đốc	Điều 43. Vấn đề báo cáo và cung cấp thông tin của Giám đốc	Điều 43	Sửa số thứ tự điều
Điều 39	Điều 39. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc	Điều 44. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc	Điều 44	Sửa số thứ tự điều
Điều 40	Điều 40. Quy định về đánh giá kết quả thực hiện công việc của người điều hành doanh nghiệp	Điều 45. Quy định về đánh giá kết quả thực hiện công việc của người điều hành doanh nghiệp	Điều 45	Sửa số thứ tự điều
Điều 41	Điều 41. Trách nhiệm của người điều hành doanh nghiệp trong việc ngăn ngừa xung đột lợi ích	Điều 46. Trách nhiệm của người điều hành doanh nghiệp trong việc ngăn ngừa xung đột lợi ích	Điều 46	Sửa số thứ tự điều
Điều 42	Điều 42. Giao dịch giữa Công ty với cổ đông, người điều hành doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này	Điều 47. Giao dịch giữa Công ty với cổ đông, người điều hành doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này	Điều 47	Sửa số thứ tự điều
Điều 43	Điều 43. Sửa đổi quy chế nội bộ về quản trị Công ty	Điều 48. Sửa đổi quy chế nội bộ về quản trị Công ty	Điều 48	Sửa số thứ tự điều
Điều 44	Điều 44. Ngày hiệu lực 1. Bản Quy chế này gồm 10 Chương, 44 Điều và được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2018. ...	Điều 49. Ngày hiệu lực 1. Bản Quy chế này gồm 10 Chương, 49 Điều và được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2021. ...	Điều 49	Sửa số thứ tự điều Cập nhật ngày Đại hội mới

—o0o—

—o0o—

Số: 03 /TTr - DHDCĐ

Hà Nội, ngày 1 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty CPDVXBGDHN)

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội.

Kể từ ngày 01/01/2021, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 (Luật Doanh nghiệp 2020) chính thức có hiệu lực; ngày 31/12/2020, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị công ty đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, trong đó có mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Theo quy định tại Điểm 1 Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Để đảm bảo mọi hoạt động của Công ty tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (kèm theo).

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Trần Quang Vinh

DỰ THẢO

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;*
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;*
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội;*
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ...ngày ...tháng...năm...*
- Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội;*
- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội bao gồm các nội dung sau:*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc (Tổng giám đốc) tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có từ 05 đến 11 thành viên. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

đ) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

e) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc của Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn (10 ngày) kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Hội đồng quản trị công ty. Thư ký Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh

nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, (trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác) và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội

đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên

báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

f) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu

hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp (nếu Điều lệ công ty không có quy định khác). Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, (trừ trường hợp Điều lệ công

ty quy định thời hạn khác ngắn hơn). Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Họp bằng hình thức trực tuyến

a) Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

- Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác cùng một cách đồng thời.

b) Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp có mặt.

c) Các quyết định được thông qua trong cuộc họp bằng hình thức trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả các thành viên

Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này. Không thành viên Hội đồng quản trị nào có quyền từ chối khẳng định bằng chữ ký trong biên bản của cuộc họp nói trên, trừ khi trong cuộc họp trên, thành viên Hội đồng quản trị đó đã bày tỏ sự không tán thành hoặc bảo lưu ý kiến của mình đối với các quyết định được thông qua trong cuộc họp đó.

13. Chuẩn bị nội dung đề thảo luận trong các cuộc họp Hội đồng quản trị

a) Trừ khi có quy định khác, Giám đốc Công ty có trách nhiệm chuẩn bị các nội dung cần thảo luận tại cuộc họp Hội đồng quản trị theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

b) Các thành viên Hội đồng quản trị, các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu các nội dung có liên quan đã được Giám đốc Công ty chuẩn bị và đề xuất ý kiến hoặc biện pháp giải quyết để Hội đồng quản trị xem xét quyết nghị.

14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của các thành viên tham dự cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội

dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 17. Thông qua các Nghị quyết của Hội đồng quản trị bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Đối với các vấn đề không cần thiết phải triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc không có điều kiện để triệu tập họp, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tổ chức lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản (qua email) với điều kiện là các thành viên Hội đồng quản trị phải nhận được đầy đủ các tài liệu có liên quan đến những nội dung được đề nghị Hội đồng quản trị xem xét quyết nghị.

2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản (qua email) được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

3. Thời gian kết thúc Hội nghị được tính vào thời điểm Chủ tọa cuộc họp kết luận và ký biên bản họp, Nghị quyết.

Chương V BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hàng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội bao gồm 07 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2021

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Quang Vinh

---o0o---

---o0o---

Số: 04 /TTr - ĐHCĐ

Hà Nội, ngày 4 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CPDVXBGDHN)

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2020 về việc hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội.

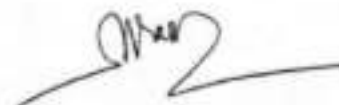
Kể từ ngày 01/01/2021, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 (Luật Doanh nghiệp 2020) chính thức có hiệu lực và ngày 31/12/2020, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 116/2020/TT-BTC ban hành mẫu Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Theo quy định tại Điểm 1 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Để đảm bảo mọi hoạt động của Công ty tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt toàn văn Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát (kèm theo).

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Trà Giang

DỰ THẢO

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội;

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 3 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác

quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác].

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc đề trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch

giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công

ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội bao gồm 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2021.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Trà Giang

Dự thảo

**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội tại phiên họp ngày 24 tháng 4 năm 2018;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội ngày 27/4/2021.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Báo cáo công tác hoạt động năm 2020, kế hoạch hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị.

Tỷ lệ tán thành là % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết dự họp.

Điều 2: Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Ban Giám đốc.

Tỷ lệ tán thành là % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết dự họp.

Điều 3: Thông qua Báo cáo kết quả giám sát hoạt động năm 2020, kế hoạch giám sát năm 2021 của Ban Kiểm soát.

Tỷ lệ tán thành là % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết dự họp.

Điều 4: Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 do Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam.

Tỷ lệ tán thành là % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết dự họp.

Điều 5: Thông qua Báo cáo thù lao của Ban điều hành năm 2020 và kế hoạch thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021.

Tỷ lệ tán thành là % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết dự họp.

Điều 6: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2021.

Tỷ lệ tán thành là % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết dự họp.

Điều 7: Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn đơn vị Kiểm toán có đủ tiêu chuẩn, năng lực theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.

Tỷ lệ tán thành là % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết dự họp.



Điều 8: Thông qua ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định điều chỉnh đơn giá tiền lương khi đã đạt được các chỉ tiêu tài chính kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Tỷ lệ tán thành là % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết dự họp.

Điều 9: Thông qua ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định, triển khai thực hiện việc ký kết các Hợp đồng liên quan đến việc làm sách giáo khoa theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 2018 có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán với các đối tác được sự đồng ý của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, bao gồm: Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, các đơn vị thành viên của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các đối tác khác (nếu có) và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên liền kề.

Điều 10: Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoạt động của Công ty.

Tỷ lệ tán thành là % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết dự họp.

Điều 11: Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Tỷ lệ tán thành là % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết dự họp.

Điều 12: Thông qua Tờ trình về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Tỷ lệ tán thành là % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết dự họp.

Điều 13: Thông qua Tờ trình về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Tỷ lệ tán thành là % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết dự họp.

Điều 14: Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 15: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA

Nơi nhận:

- Như điều ;
- Cổ đông;
- Lưu VT.

TRẦN QUANG VINH